

Vật Liệu & Hạ Tầng

Bộ phận cho phát triển kinh tế

Nguyễn Hoàn Niên

Chuyên viên Phân tích Ngành

Vật liệu Xây Dựng và Cơ Sở Hạ Tầng

Khởi Phân tích PHFM

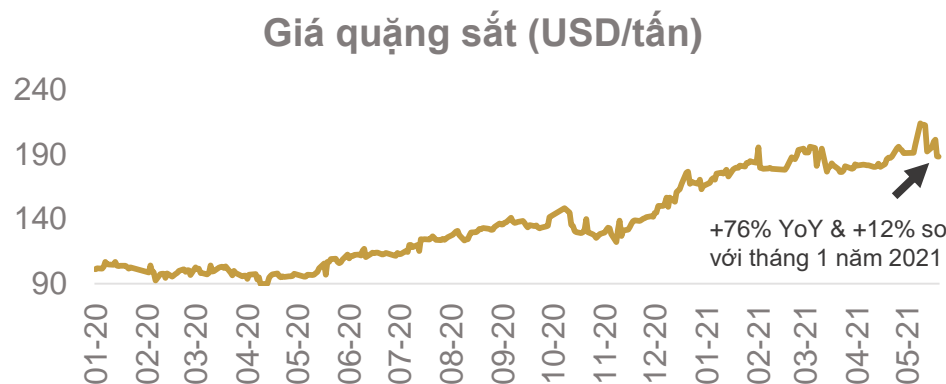
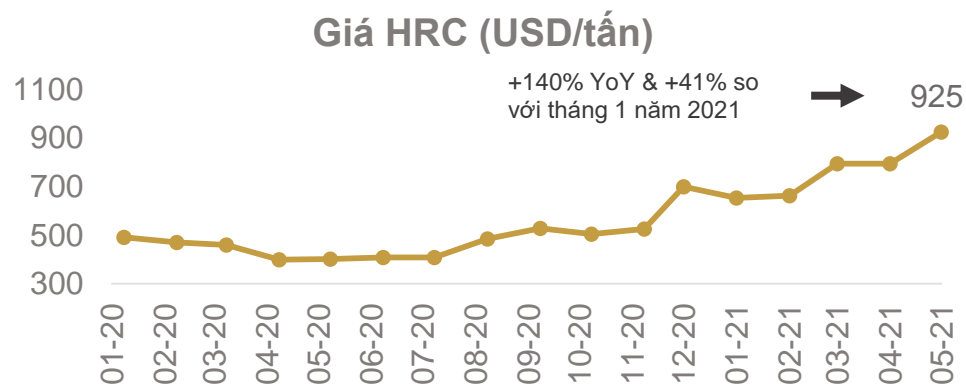


Bảng tóm tắt

Nhóm ngành	Mã CK	2020				2021 Dự Phóng				Định Giá					Khuyến nghị
		Doanh thu thuần		Lợi nhuận sau thuế		Doanh thu thuần		Lợi nhuận sau thuế		Giá hợp lý (VND/cổ phiếu)	Giá tại ngày 24/05 (VND/ cổ phiếu)	Upside/ Downside	P/E	P/B	
		Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)						
KHU CÔNG NGHIỆP	KBC	2,151	-33%	320	-69%	5,369	150%	1,682	426%	47,200	34,400	37%	14.5	1.5	MUA
	PHR	1,632	0%	1,125	131%	1,621	-1%	1,146	2%	67,600	54,600	24%	8.3	2.5	MUA
	SZC	433	31%	186	39%	531	23%	202	9%	44,500	36,000	24%	22	3.3	MUA
	GVR	21,116	7%	5,076	32%	22,093	5%	4,906	-3%	40,200	27,100	48%	38.6	3.1	MUA
ĐIỆN	POW	29,732	-16%	2,663	-7%	32,852	10%	2,837	37%	14,700	11,800	25%	11.1	0.8	MUA
	PPC	7,929	-3%	1,011	-20%	8,037	0%	1,034	22%	28,300	23,800	19%	8.8	1.4	MUA
	NT2	6,082	-21%	625	-17%	7,200	18%	462	-26%	24,600	19,200	28%	16.3	1.6	MUA
	GEG	1,493	29%	295	1%	1,796	20%	388	32%	21,200	16,350	30%	16.8	1.7	MUA
	REE	5,640	15%	1,714	0%	6,635	18%	1,937	13%	62,100	59,100	5%	10.4	1.4	NẮM GIỮ
CẢNG BIỂN	GMD	2,606	-1%	441	-29%	2,763	6%	541	24%	54,800	38,650	42%	30.6	2.5	MUA
VẬT LIỆU	HPG	90,119	42%	13,506	78%	133,021	48%	24,856	84%	75,100	65,400	15%	10.0	3.1	MUA
	SMC	15,735	-7%	316	216%	17,308	10%	313	-1%	37,200	38,100	-2%	7.5	1.4	NẮM GIỮ
	VGS	6,670	-2%	103	37%	7,278	9%	153	48%	24,600	20,000	23%	6.8	1.4	MUA
	BMP	4,686	8%	523	24%	4,887	4%	542	4%	65,900	57,800	14%	10.0	2	MUA
XÂY DỰNG	CTD	14,558	-39%	335	-53%	17,209	18%	593	77%	69,200	57,000	21%	8.7	0.7	MUA
	HBC	11,228	-40%	70	-83%	11,366	-8%	249	72%	14,100	15,250	-8%	12.6	0.8	NẮM GIỮ

Định nghĩa xếp loại: Mua = Giá hợp lý cao hơn thị trường nội địa trên 10%, Nắm Giữ = Giá hợp lý bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%, Bán = Giá hợp lý thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%, Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Nguyên vật liệu đã có khoảng thời gian tốt trong 1H21 2H21 sẽ là khoảng thời gian cho Hạ Tầng



Nguồn: VSA, Bloomberg, PHFM tổng hợp

Nhóm ngành nguyên vật liệu đã có những tăng trưởng vượt bậc nhờ mức tăng mạnh từ giá nguyên vật liệu trên thế giới. Chúng tôi tin rằng giá nguyên vật liệu sẽ có những sự điều chỉnh trong 2H21 sau mức tăng mạnh trong 1H21. Sự điều chỉnh có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng của các nhà đầu tư trên thị trường, điều này có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong nhóm ngành nguyên vật liệu. Về dài hạn, chúng tôi vẫn ưa thích những cổ phiếu đầu ngành của nhóm nguyên vật liệu như HPG, BMP với upside còn lớn. Tuy nhiên, sự điều chỉnh về giá nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Với chủ đề đầu tư trong năm 2H21, chúng tôi tin rằng nhóm hạ tầng sẽ có nhiều cơ hội để bứt phá với nhiều yếu tố hỗ trợ ngắn hạn. Chúng tôi chọn 3 nhóm ngành cùng với 6 cổ phiếu trong bảng bên dưới. Chúng tôi sẽ đi vào chi tiết trong các phần tiếp theo.

Nhóm ngành	Mã CK	2020				2021 Dự Phóng				Định Giá					Khuyến nghị
		Doanh thu thuần		Lợi nhuận sau thuế		Doanh thu thuần		Lợi nhuận sau thuế		Giá hợp lý (VND/cổ phiếu)	Giá tại ngày 24/05 (VND/ cổ phiếu)	Upside/Downside	P/E	P/B	
		Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)	Giá trị (tỷ VND)	YoY (%)						
CẢNG BIỂN	GMD	2,606	-1%	441	-29%	2,763	6%	541	24%	54,800	38,650	42%	30.6	2.5	MUA
ĐIỆN	REE	5,640	15%	1,714	0%	6,635	18%	1,937	13%	62,100	59,100	5%	10.4	1.4	NẮM GIỮ
KHU CÔNG NGHIỆP	KBC	2,151	-33%	320	-69%	5,369	150%	1,682	426%	47,200	34,400	37%	14.5	1.5	MUA
	PHR	1,632	0%	1,125	131%	1,621	-1%	1,146	2%	67,600	54,600	24%	8.3	2.5	MUA
	SZC	433	31%	186	39%	531	23%	202	9%	44,500	36,000	24%	22	3.3	MUA
	GVR	21,116	7%	5,076	32%	22,093	5%	4,906	-3%	40,200	27,100	48%	38.6	3.1	MUA

Cảng Biển

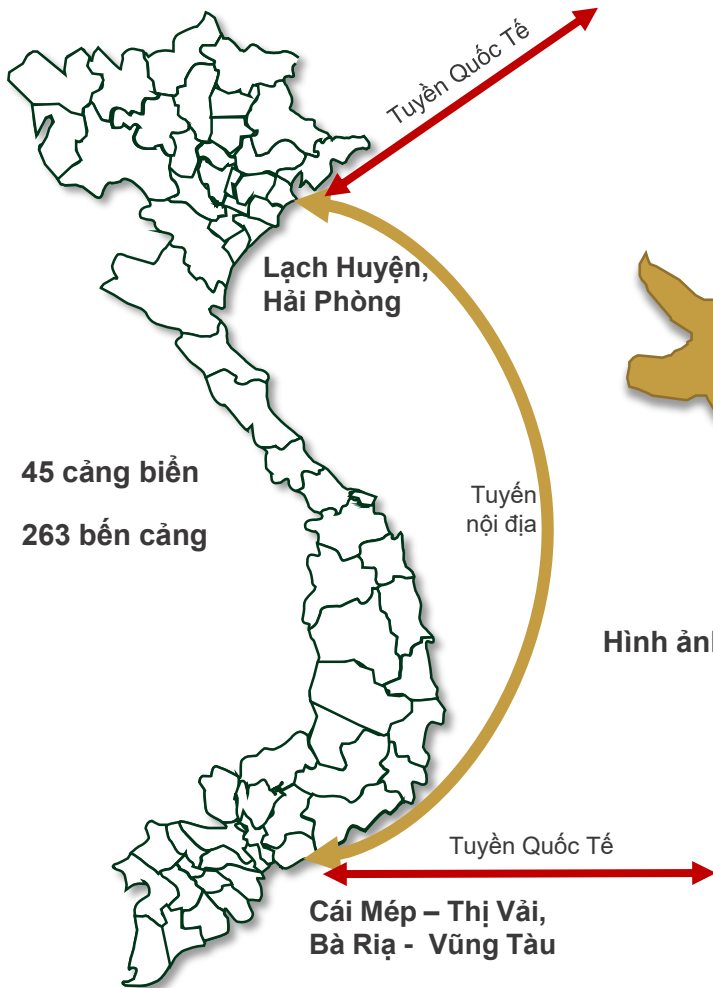


Nhận nhip giao thương

01

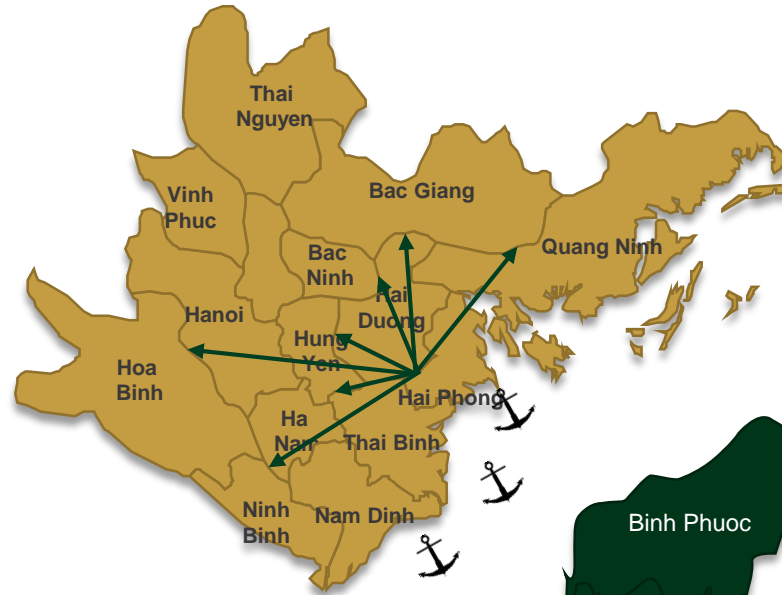
Vai trò quan trọng trong phát triển hạ tầng

Hình ảnh: Dòng giao thương chính

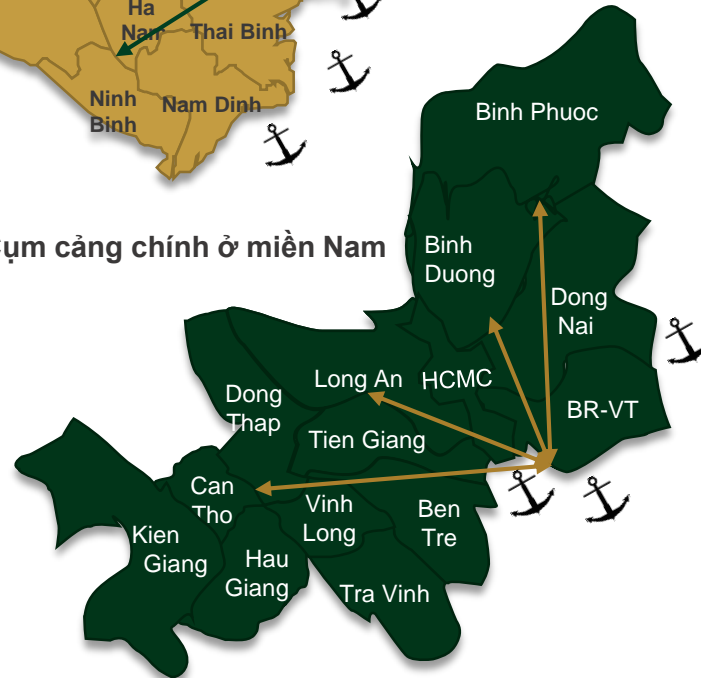


Nguồn: PHFM tổng hợp

Hình ảnh: Cụm cảng chính ở miền Bắc



Hình ảnh: Cụm cảng chính ở miền Nam

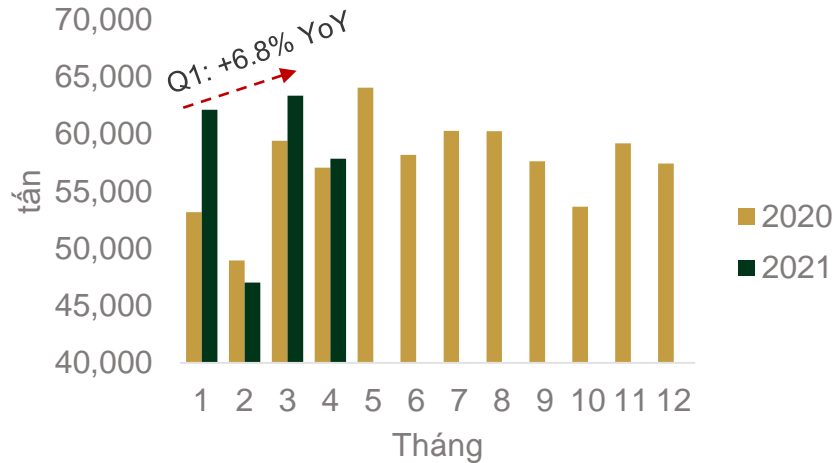


Dù Việt Nam có 45 cảng biển và 263 bến cảng, Việt Nam có 2 cảng chính: Hải Phòng and Bà Rịa – Vũng Tàu cùng với bến cảng chính là Lạch Huyện và Cái Mép – Thị Vải.

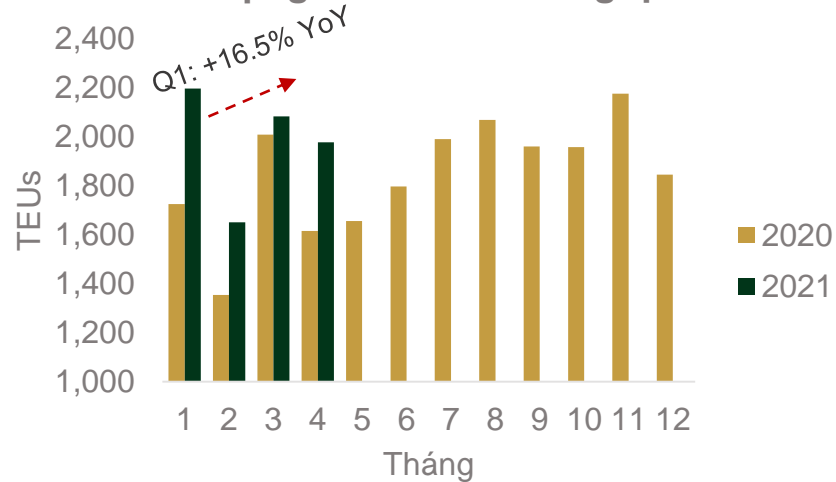
2 bến cảng có vị trí thuận lợi, dễ dàng kết nối với Hà Nội và TP HCM. Bến cảng cũng kết nối với các tỉnh công nghiệp chính ở Việt Nam – Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai... Bến cảng Lạch Huyện và Cái Mép – Thị Vải cũng là cửa khẩu cho tuyến hàng quốc tế.

Sự phát triển hạ tầng ở Việt Nam trong thời gian sắp tới cũng sẽ tập trung ở các khu vực gần 2 bến cảng này. Các tuyến cao tốc cũng sẽ được phát triển để kết nối các bến cảng này.

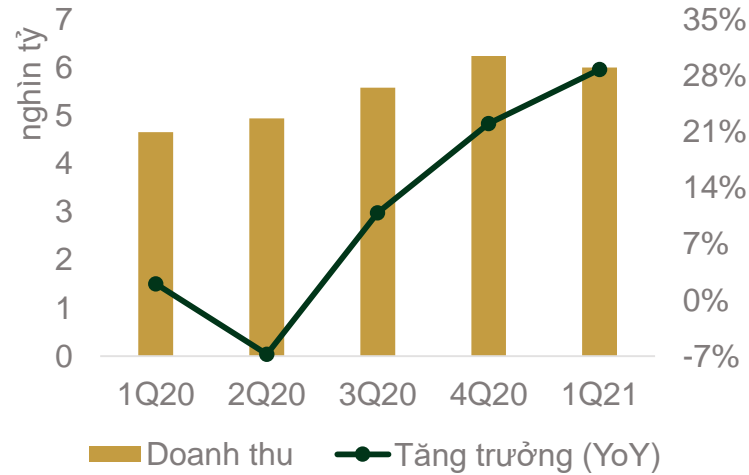
Sản Lượng hàng hóa thông quan



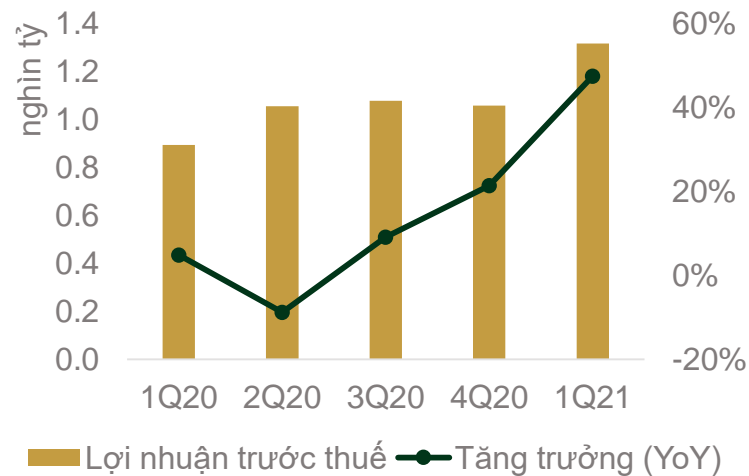
Sản lượng Container thông quan



Doanh thu



Lợi nhuận trước thuế



Nhờ vào sự kiểm soát dịch hiệu quả, sản lượng hàng hóa qua các cảng Việt Nam vẫn duy trì được sự nhộn nhịp. Sản lượng hàng hóa trong 1Q21 tăng 6.8% YoY và sản lượng container thông quan tăng trưởng 16.5% YoY. Cụ thể hơn, sản lượng xuất khẩu tăng 2.5% YoY, sản lượng nhập khẩu tăng 9.0% YoY và sản lượng nội địa giao thương tăng 8.2% YoY.

Giao thương nhộn nhịp hỗ trợ kết quả kinh doanh của nhóm vận hành cảng. Doanh thu của nhóm cảng tăng trưởng 29% YoY và lợi nhuận trước thuế tăng 47% YoY.

Chúng tôi kỳ vọng rằng mức tăng trưởng của hàng hóa thông quan sẽ đạt mức tăng trưởng 2 chữ số vào cuối năm 2021. Trong nhóm ngành cảng, GMD là cổ phiếu yêu thích của chúng tôi vì quy mô hoạt động lớn sẽ được hỗ trợ từ sự tăng trưởng của giao thương.

Giá hợp lý : VND 54,600

Tổng quan về công ty

Gemadept (GMD) là một trong những công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn nhất ở Việt Nam. Công sở hữu 4 cảng biển và 2 cảng ICD.

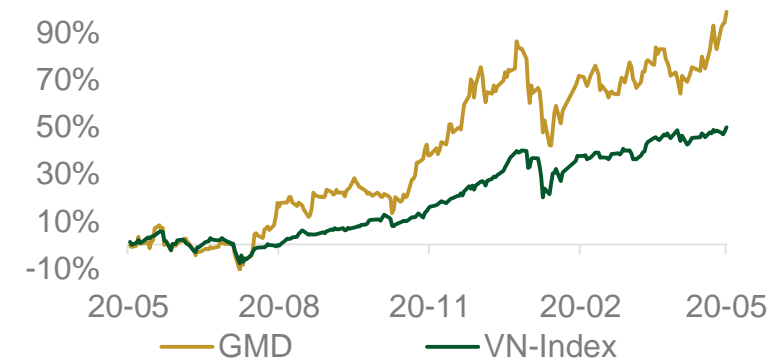
Điểm nhấn đầu tư

- Gemalink được kỳ vọng sẽ có lợi nhuận trong năm 2021. Gemalink là cảng nước sâu lớn nhất ở khu vực miền Nam, có khả năng đón tàu tải trọng 2 nghìn DWT và có công suất xếp dỡ container là 2.5 triệu TEUs
- Công ty có kế hoạch mở rộng công suất cảng Nam Đình Vũ tại Hải Phòng trong năm 2021.



Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	3,984	2,708	2,643	2,606	2,763
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	581	1,900	614	441	541
EPS (VND)	1,962	6,207	1,602	1,149	1,794
Tăng trưởng EPS (%)	-2%	216%	-74%	-28%	58%
Giá trị sổ sách (VND)	24,610	21,989	22,118	21,883	22,180
P/E	19.02	8.08	11.06	15.60	12.78
P/B	1.60	1.46	1.29	1.14	0.96
Cổ tức tiền mặt (VND)	9,500	1,500	1,000	1,000	0

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá

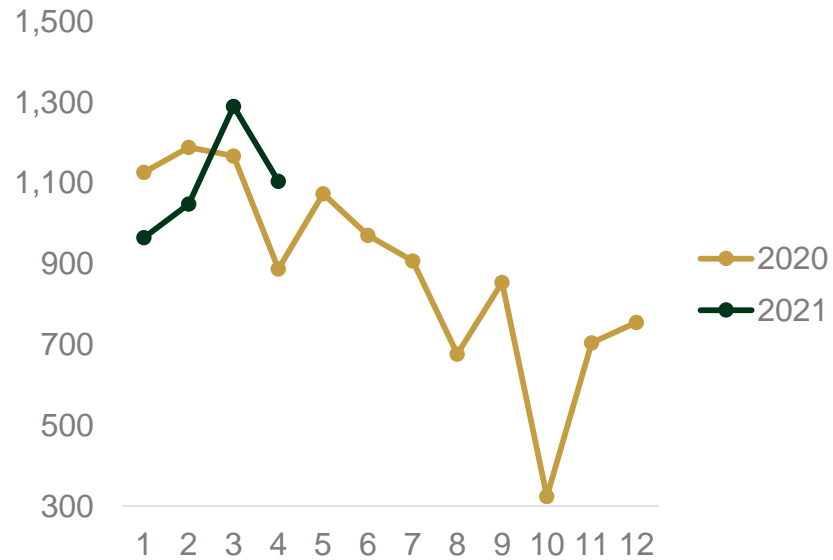


02

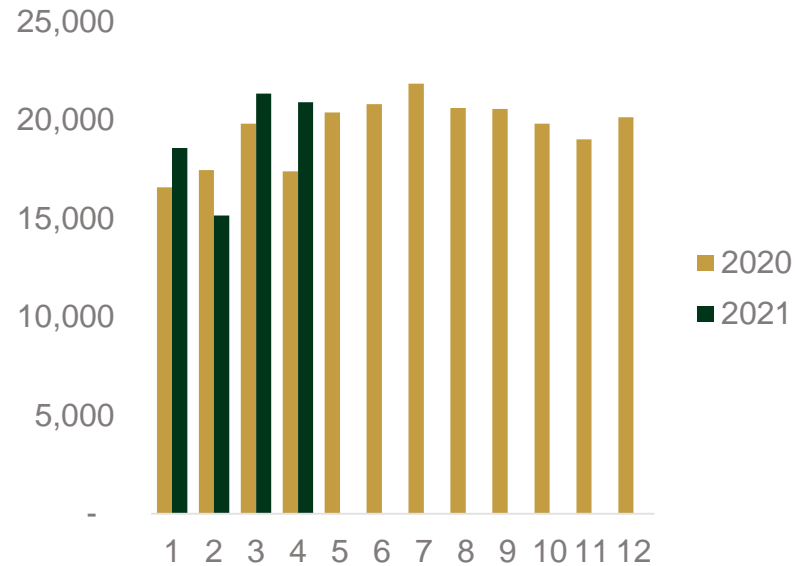
Điện

Thủy điện thuận lợi

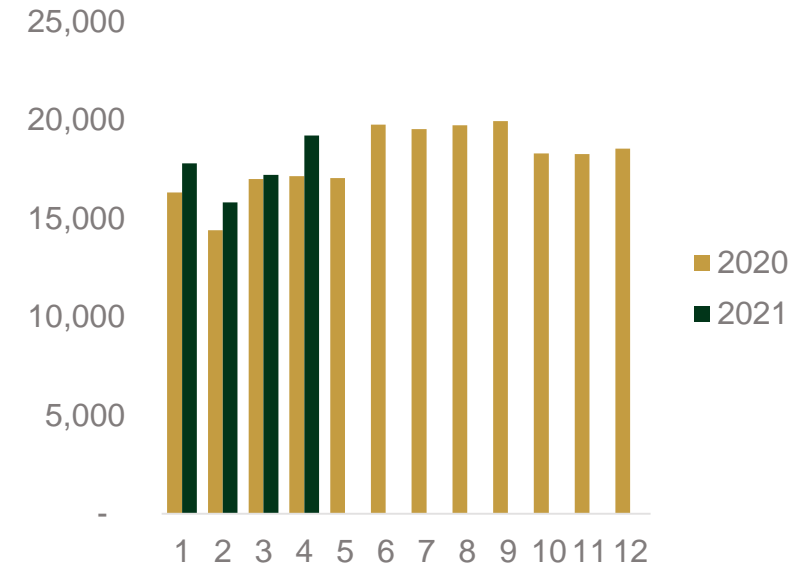
Giá điện (VND/kWh)



Nguồn cung điện (triệu kWh)



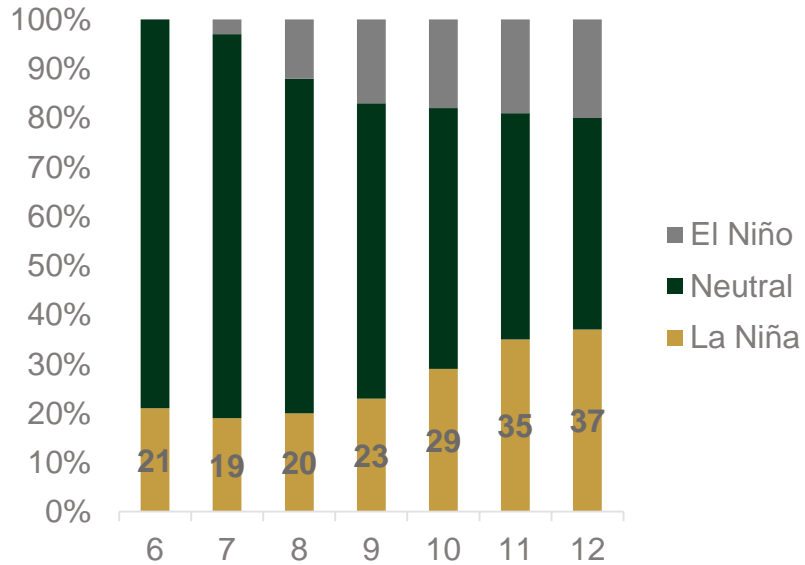
Nhu cầu điện (triệu kWh)



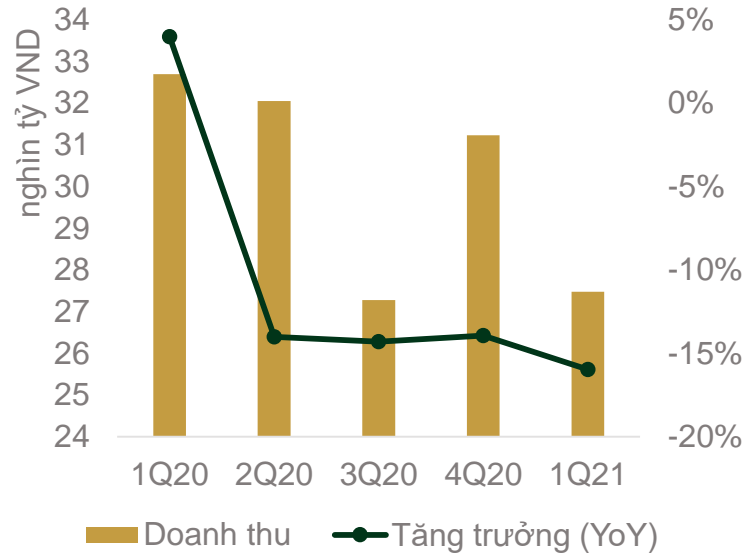
Nguồn: Genco, MOIT, PHFM tổng hợp

Dịch bệnh đã làm nền so sánh của năm 2020 thấp vì nhu cầu bị sụt giảm từ hoạt động sản xuất và thương mại. Nguồn cung và nhu cầu trong 1Q21 tăng trưởng lần lượt là 2% YoY và 6% YoY. Tuy nhiên, tính riêng trong tháng 4 năm 2021, nguồn cung tăng trưởng 20% YoY và nhu cầu tăng trưởng 12% YoY. Giá điện trong năm 2021 cũng bắt đầu cao hơn so với năm 2020 kể từ tháng 3. Trong tháng 4, giá điện tăng 24% YoY. Nền thấp trong năm 2020 làm cho tăng trưởng trong năm 2021 trở nên vượt bậc.

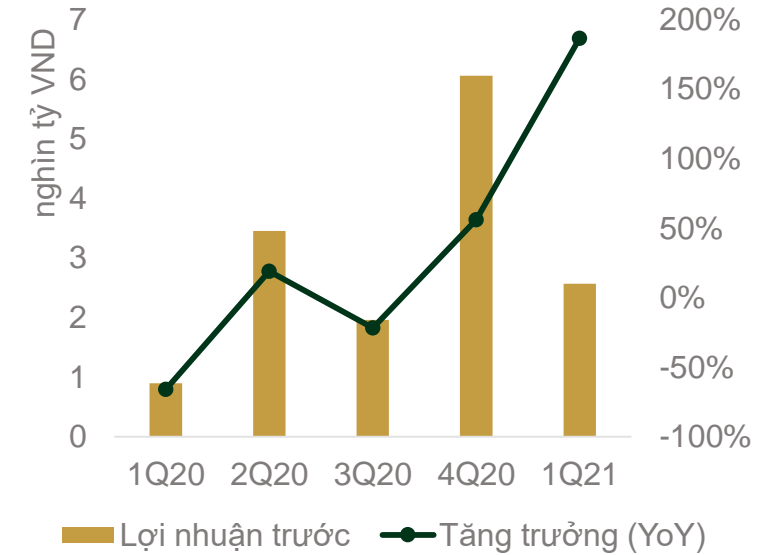
Xác suất xảy ra La Niña và El Niño



Doanh thu



Lợi nhuận trước thuế



Nguồn: NOAA, IMHEN, Fiipro, PHFM tổng hợp

Tuy nhiên, thời tiết năm 2021 thuận lợi cho các nhà máy thủy điện hơn các nguồn năng lượng khác. Hiện tượng La Niña làm cho mưa nhiều và mực nước ở các hồ thủy điện sẽ dồi dào hơn. Vì xác suất xảy ra cho hiện tượng La Niña trong năm nay cao hơn, EVN cũng ưu tiên huy động nguồn thủy điện. Điều này làm cho doanh thu của ngành điện trong 1Q21 giảm 16% YoY nhưng lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 186% YoY. Sự sụt giảm doanh thu do đóng góp lớn từ hoạt động của các nhà máy nhiệt điện trong khi sự tăng trưởng của lợi nhuận đến từ biên gộp cao của các nguồn thủy điện.

Trong nhóm điện, chúng tôi lựa chọn REE là cổ phiếu yêu thích của chúng tôi vì danh mục thủy điện lớn. Dù cho những cổ phiếu trong ngành như POW, PPC, NT2 và GEG còn có upside lớn, việc ảnh hưởng của hiện tượng La Niña trong năm nay có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng của thị trường khi sản lượng sản xuất trong năm nay có thể sẽ thấp.

Giá hợp lý: VND 62,100

Tổng quan về công ty

REE là nhà thầu M&E với danh mục đầu tư chất lượng trong mảng hạ tầng. Danh mục có nhiều loại hình nhà máy phát điện (nhiên điện, thủy điện, mặt trời và gió).

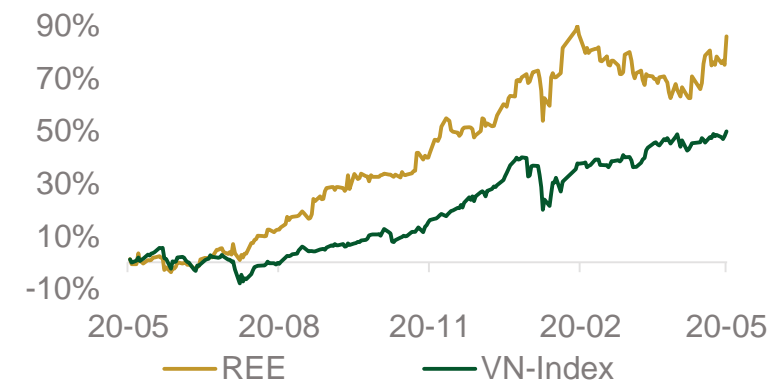
Điểm nhấn đầu tư

- REE có danh mục các nhà máy thủy điện sẽ được hưởng lợi trong năm 2021
- REE cũng sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi của ngành bất động sản. REE đang nhắm đến tệp khách hàng ở các khu công nghiệp. Mảng khu công nghiệp đang được tập trung phát triển để thu hút dòng vốn FDI, điều này sẽ mang lại nhiều khách hàng tiềm năng cho công ty.



Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	4,995	5,101	4,890	5,640	6,635
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,523	1,885	1,720	1,714	1,937
EPS (VND)	4,441	5,754	5,286	5,251	5,984
Tăng trưởng EPS (%)	26%	30%	-8%	-1%	14%
Giá trị sổ sách (VND)	28,038	32,021	35,805	39,388	45,456
P/E	7.24	7.33	6.19	7.43	10.38
P/B	1.38	1.32	1.12	1.07	1.37
Cổ tức tiền mặt (VND)	1,600	1,600	1,800	1,800	0

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá



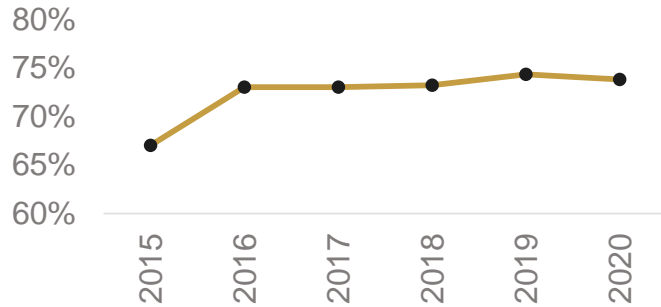
Khu Công Nghiệp



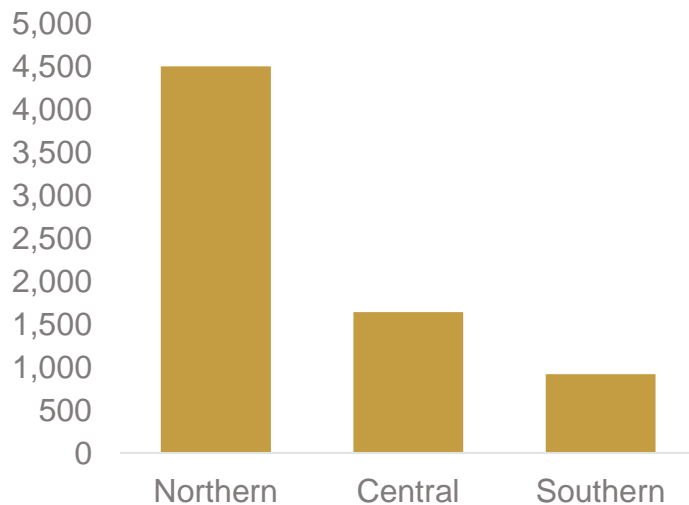
Tăng trưởng

03

Tỷ lệ lấp đầy trung bình của Khu Công Nghiệp ở Việt Nam



Diện tích KCN được chấp thuận trong năm 2021 (ha)



Bảng: Danh sách các khu công nghiệp được phê duyệt trong năm 2021

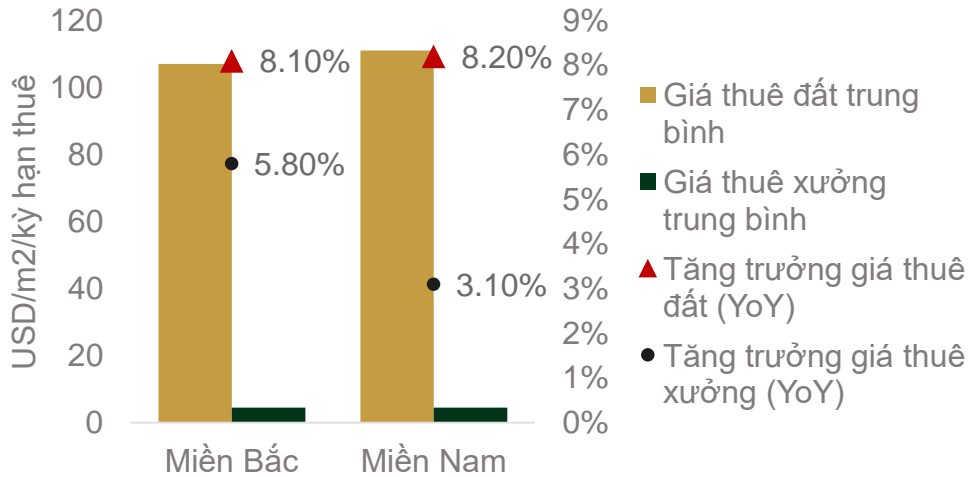
Khu công nghiệp	Tỉnh/Thành Phố	Diện tích (ha)
Hoa Lư	Bình Phước	348
Thế Kỷ	Long An	119
Sông Đốc	Cà Mau	100
Bá Thiện - Subdivision 1	Vĩnh Phúc	247
Sóc Sơn	Hà Nội	303
Xuân Cầu	Hải Phòng	752
Que Vo III - Subdivision 2	Bắc Ninh	209
Gia Loc	Hải Dương	198
Dong Van I Expansion	Hà Nam	100
Dong Binh	Vĩnh Long	350
Tay Bac Ho Xa	Quảng Trị	215
Tam Anh - An An Hoa	Quảng Nam	436
Phuc Dien Extension	Hải Dương	215
Phuc Dien	Hải Dương	215
Song Lo I	Vĩnh Phúc	117
Kim Thanh	Hải Dương	100
Gia Binh II	Bắc Ninh	250
Tam Duong I	Vĩnh Phúc	162
Gilimex	Thừa Thiên Huế	461
Trieu Phu	Quảng Trị	529
Phố Nổi A	Hưng Yên	93
My Thuan	Nam Định	158
Thai Hoa - Lien Son - Lien Hoa	Vĩnh Phúc	145
Gia Binh	Bắc Ninh	307
Viet Han	Bac Giang	50
Yen Phong II-A	Bắc Ninh	151
Quoc Tuan - An Binh	Hải Dương	180
Thuan Thanh I	Bắc Ninh	250
Nam Son - Hap Linh	Bắc Ninh	300

Tính đến hết năm 2020, Việt Nam có 326 khu công nghiệp (KCN) trong đó 284 KCN đang hoạt động với diện tích vào khoảng 57.1 nghìn ha và các KCN còn lại thì đang trong giai đoạn phát triển. Tỷ lệ lấp đầy trung bình của các KCN ở Việt Nam là 74%, tương đương với năm 2019.

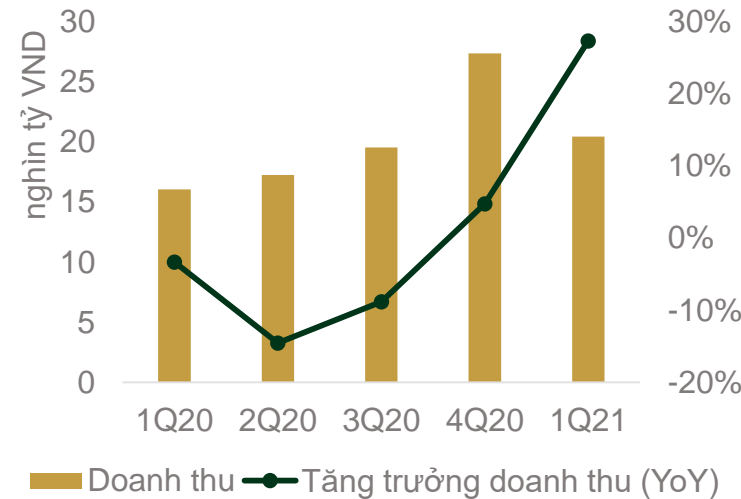
Trong 4 tháng đầu năm 2021, có 29 KCN mới được phê duyệt để phát triển với tổng diện tích là gần 7 nghìn ha. Khu vực phía Bắc với gần 4,500 ha được phê duyệt do nhu cầu cao từ các khách hàng công nghệ cao. Tất cả những KCN được phê duyệt đều nằm ở những trung tâm CN ở phía Bắc và Nam Việt Nam.

Diện tích đất lớn ở phía Bắc được phê duyệt sẽ hỗ trợ cho các nhà phát triển khu công nghiệp có kinh nghiệm lớn cùng với tệp khách hàng lớn. Chính vì vậy mà chúng tôi lựa chọn KBC là cổ phiếu yêu thích của chúng tôi cho luận điểm đầu tư này. 13

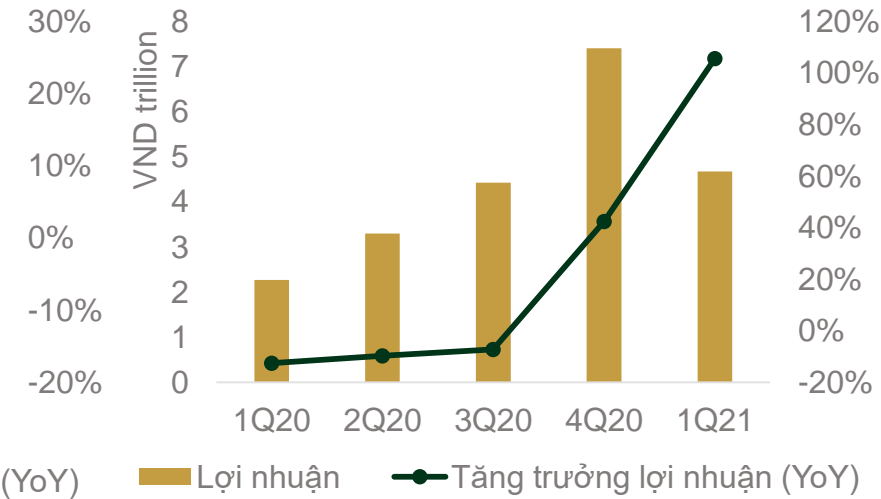
Giá thuê trong 1Q21



Doanh thu



Lợi nhuận trước thuế



Nguồn: JLL(*), Fiinpro, PHFM tổng hợp

Nhóm KCN phát triển nhờ nhu cầu cao từ dòng vốn FDI và việc mở rộng cơ sở sản xuất từ các nhà đầu tư ở Việt Nam. Theo báo cáo của JLL, giá thuê trung bình trong 1Q21 đạt 107 USD/m²/kỳ hạn thuê ở miền Bắc và 111 USD/m²/kỳ hạn ở miền Nam, tăng trưởng lần lượt 8.1% YoY và 8.2% YoY. Giá cho thuê nhà xưởng xây sẵn (RBF) cũng tăng 5.8% YoY ở miền Bắc và 3.1% YoY ở miền Nam. Việc tăng giá mạnh của giá thuê nhà xưởng miền Bắc nhờ nhu cầu cao của nhóm khách hàng công nghệ cao. Trong 1Q21, doanh thu của các công ty trong nhóm ngành KCN tăng trưởng 27% YoY và lợi nhuận trước thuế tăng 106% YoY.

Việc tăng giá mạnh ở khu vực miền Nam tạo lợi thế cho các công ty phát triển có giá đền bù thấp cùng với quỹ đất lớn. Chính vì vậy, chúng tôi chọn SZC, GVR và PHR là những cổ phiếu yêu thích của chúng tôi ở miền Nam.

(*) Data from JLL only represents main provinces in the Northern and Southern region. The Southern region refers to Hanoi, Hai Phong, Bac Ninh, Hung Yen and Hai Duong. The Southern region refers to HCMC, Binh Duong, Dong Nai, Ba Ria – Vung Tau and Long An.

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP – Mã CK: KBC

Giá hợp lý: VND 47,200

Tổng quan công ty

KBC sở hữu gần 5 nghìn ha đất KCN. Khách hàng lớn của KBC là LG, Foxconn, Canon... Công ty có nhiều dự án đã được phê duyệt để phát triển trong 2021.

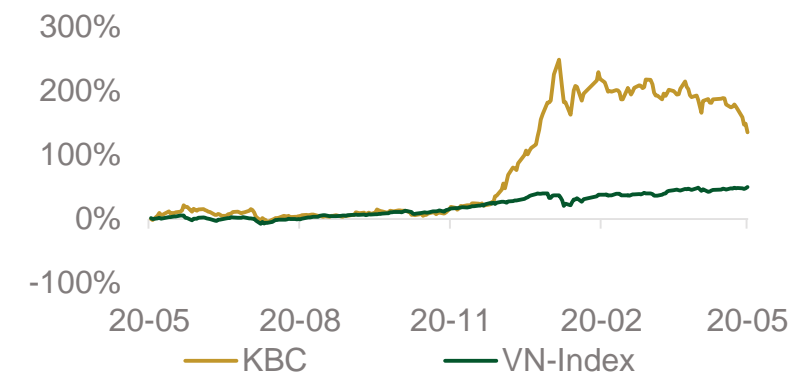
Luận điểm đầu tư

- KCN Tràng Duệ mở rộng giai đoạn 3 với diện tích 687 ha đang trong giai đoạn xin phê duyệt. Hiện tại, Tràng Duệ 2 đã được lấp đầy với khách hàng tiêu biểu là LG.
- KCN Nam Sơn Hạ Lĩnh (300ha) và khu dân cư Phúc Ninh (137ha) sẽ đóng góp lớn trong tăng trưởng của công ty.



Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,260	2,491	3,210	2,151	5,369
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	585	746	918	320	1,682
EPS (VND)	1,244	1,588	1,955	477	3,251
Tăng trưởng EPS (%)	5%	28%	23%	-76%	582%
Giá trị sổ sách (VND)	19,240	20,941	22,099	22,677	25,883
P/E	10.8	8.3	7.9	11.24	14.52
P/B	0.7	0.63	0.7	0.71	1.5
Cổ tức tiền mặt (VND)	0	0	1,000	0	0

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá



Giá hợp lý: VND 44,500



Tổng quan về công ty

SZC sở hữu 1,554 ha đất KCN và 622 ha đất khu dân cư ở Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu

Luận điểm đầu tư

- KCN Châu Đức có vị trí quan trọng, gần cụm cảng Cái Mép – Thị Vải. KCN Châu Đức có thể được hưởng lợi từ những dự án phát triển hạ tầng từ Chính Phủ, như sân bay Long Thành và cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu.
- Việc đền bù sẽ được hoàn thành trong năm 2022 và công ty sẽ cho thuê khoảng 90 ha trong năm 2021.

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	220	290	329	433	531
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	73	97	134	186	202
EPS (VND)	657	779	1,140	1,681	2,025
Tăng trưởng EPS (%)	65%	19%	46%	47%	20%
Giá trị sổ sách (VND)	11,182	11,564	11,959	12,642	13,476
P/E	n/a	n/a	16.69	12.49	21.98
P/B	n/a	n/a	1.52	1.82	3.30
Cổ tức tiền mặt (VND)	n/a	n/a	800	0	0

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá



Giá hợp lý: VND 40,200

Tổng quan công ty

GVR là một trong những công ty nông nghiệp lớn nhất Việt Nam với quỹ đất lớn. GVR có 400 nghìn ha đất ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Công ty dự định sẽ chuyển 15 nghìn ha đất nông nghiệp sang KCN.

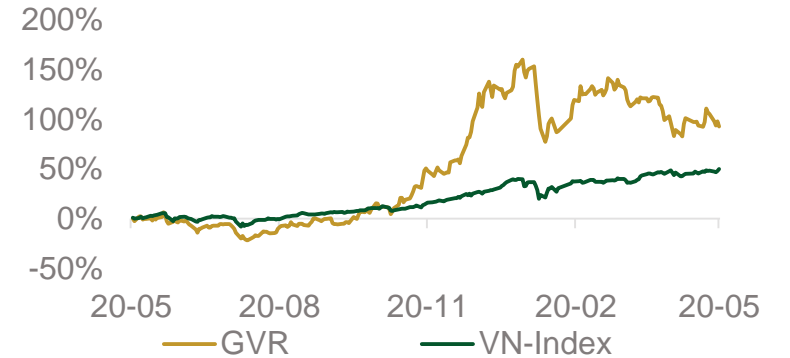
Luận điểm đầu tư

- Chuyển đổi đất từ nông nghiệp sang khu công nghiệp có thể nâng giá trị của đất. GVR có thể trở thành nhà phát triển KCN lớn nhất Việt Nam.
- Bên cạnh phát triển KCN, hoạt động kinh doanh của GVR cũng được hỗ trợ nhờ đà tăng của giá cao su gần đây.



Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	20,048	19,713	19,804	21,116	22,093
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	3,936	3,334	3,833	5,076	4,906
EPS (VND)	1,271	649	813	943	1,042
Tăng trưởng EPS (%)	34%	-49%	25%	16%	10%
Giá trị sổ sách (VND)	17,560	12,336	12,649	12,857	13,121
P/E	n/a	13.6	12.9	16.9	38.56
P/B	n/a	0.7	1.2	1.1	3.06
Cổ tức tiền mặt (VND)	n/a	n/a	250	600	300

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá



Giá hợp lý: VND 67,600

Tổng quan công ty

PHR là công ty con của GVR. PHR quản lý 15 nghìn ha đất cao su. Công ty quản lý đất KCN qua các công ty con và công ty liên kết (NTC). PHR có quỹ đất lớn ở Bình Dương, nơi có tỷ lệ lấp đầy luôn hơn 90%.

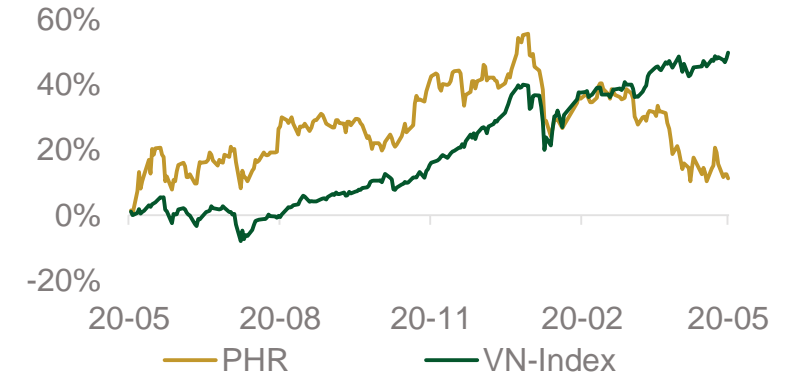
Luận điểm đầu tư

- PHR sẽ ghi nhận tiền đền bù VSIP III trong năm 2021, sẽ hỗ trợ lợi nhuận trong năm nay.
- PHR đang chờ phê duyệt để phát triển các KCN của mình với tổng diện tích là 2 nghìn ha.



Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,654	1,561	1,639	1,632	1,621
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	331	644	488	1,125	1,146
EPS (VND)	4,004	4,637	2,863	7,711	8,158
Tăng trưởng EPS (%)	17.0%	137.4%	-38.7%	140%	6%
Giá trị sổ sách (VND)	28,887	19,302	18,196	24,414	20,173
P/E	10.1	5.7	11.51	12.70	6.6
P/B	1.41	1.69	1.99	2.40	2.1
Cổ tức tiền mặt (VND)	1,800	3,800	3,000	2,500	3,000

Biến động giá cổ phiếu so với Index



Lịch sử định giá



Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Hoàn Niên - Chuyên viên phân tích - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn